

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 12/04/2013

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

CHẠY BỀN + NHẢY XA

ES 102

Lớp:

Tín chỉ:

Học kì:

Lần thi:

N18TPM4

1

2

1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành		ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ			SỐ	CHỮ	
				10%		30%	60%	100%		
(1)	(2)	(3)			1	(10)				
1	1813119340	Lâm Ngọc Duy	N18TPM1	10	7	7.0	5.0	6.1	Sáu phẩy Một	
2	1813119351	Vũ Hồng Giáp	N18TPM1	3	10	10.0	10.0	9.3	Chín phẩy Ba	
3	1813119366	Nguyễn Trung Hiếu	N18TPM1	3	8	8.0	10.0	8.7	Tám phẩy Bảy	
4	1813119372	Ngô Khánh Hoàng	N18TPM1	3	10	10.0	10.0	9.3	Chín phẩy Ba	
5	1813119393	Hồ Văn Bảo Linh	N18TPM1	10	8	8.0	9.0	8.8	Tám phẩy Tám	
6	1813119398	Trần Đức Minh	N18TPM1	3	10	10.0	6.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
7	1813119401	Trương Minh Nghĩa	N18TPM1	3	10	10.0	10.0	9.3	Chín phẩy Ba	
8	1813119404	Nguyễn Ngọc	N18TPM1	7	9	9.0	6.0	7.0	Bảy	
9	1813119441	Nguyễn Hồ Tây	N18TPM1	3	10	10.0	8.0	8.1	Tám phẩy Một	
10	1813119453	Phan Thảo	N18TPM1	7	10	10.0	10.0	9.7	Chín phẩy Bảy	
11	1813119478	Trần Nhật Vinh	N18TPM1	3	8	8.0	8.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
12	1813119481	Phạm Nguyên Vũ	N18TPM1	3	10	10.0	10.0	9.3	Chín phẩy Ba	
13	1812119382	Phạm Thị Hương	N18TPM1	3	10	10.0	V	0.0	Không	HP
14	1813119442	Ung Ngọc Thạch	N18TPM1	3	10	10.0	V	0.0	Không	
15	1813119326	Trần Việt Anh	N18TPM1	0	9	9.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
16	1813119336	Huỳnh Bá Danh	N18TPM1	0	5	5.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
17	1813119345	Nguyễn Thành Đạt	N18TPM1	0	0	0.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
18	1813119373	Nguyễn Quang Minh Hoàng	N18TPM1	0	10	10.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
19	1813119383	Huỳnh Công Khá	N18TPM1	0	10	10.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
20	1813119389	Lương Tuấn Kiệt	N18TPM1	0	6	6.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
21	1812119390	Bríu Hồng Lê	N18TPM1	0	9	9.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
22	1813119411	Lê Đại Phát	N18TPM1	0	10	10.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
23	1813119412	Đặng Văn Xuân Phát	N18TPM1	0	10	10.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
24	1813119421	Nguyễn Văn Phước	N18TPM1	0	9	9.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
25	1813119449	Phan Châu Thành	N18TPM1	0	10	10.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
26	1813119455	Trần Gia Thịnh	N18TPM1	0	5	5.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
27	1813119459	Nguyễn Huy Toàn	N18TPM1	0	7	7.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
28	1813119470	Hồ Anh Tuấn	N18TPM1	0	3	3.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
29	1813119480	Nguyễn Tuấn Vũ	N18TPM1	0	10	10.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
30	1813119329	Nguyễn Quang Bảo	N18TPM1	0	0	0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
31	1813119332	Lưu Thanh Bình	N18TPM1	0	0	0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
32	1813119353	Bùi Văn Hà	N18TPM1	0	0	0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
33	1813119356	Bùi Hoàng Hải	N18TPM1	0	8	8.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
34	1813119367	Nguyễn Quang Hòa	N18TPM1	0	0	0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
35	1813119369	Tăng Thiện Hoàng	N18TPM1	0	0	0.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
36	1813119371	Phan Trọng Hoàng	N18TPM1	0	10	10.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
37	1813119380	Nguyễn Duy Hưng	N18TPM1	0	6	6.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 12/04/2013

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

CHẠY BỀN + NHẢY XA

ES 102

Lớp:

Tín chỉ:

Học kì:

Lần thi:

N18TPM4

1

2

1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành			ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ				SỐ	CHỮ	
38	1813119391	Trương Tùng Linh	N18TPM1	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
39	1813119400	Nguyễn Thành Nam	N18TPM1	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
40	1813119402	Hồ Trọng Nghĩa	N18TPM1	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
41	1813119450	Đặng Hoàng Việt Thành	N18TPM1	0	5		5.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
42	1813119461	Nguyễn Đức Văn Toàn	N18TPM1	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
43	1813119466	Đặng Ngọc Điền Trung	N18TPM1	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
44	1813119473	Nguyễn Văn Tùng	N18TPM1	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
45	1812119475	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	N18TPM1	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
46	1813119361	Lê Văn Hiên	N18TPM2	7	8		8.0	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
47	1813119377	Trần Quốc Huy	N18TPM2	10	9		9.0	7.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
48	1813119385	Nguyễn Văn Tường Khoa	N18TPM2	3	10		10.0	8.0	8.1	Tám phẩy Một	
49	1813119405	Trần Bảo Ngọc	N18TPM2	7	10		10.0	6.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
50	1813119407	Lê Kế Nhật	N18TPM2	3	9		9.0	10.0	9.0	Chín	
51	1813119409	Trần Văn Nhó	N18TPM2	3	10		10.0	8.0	8.1	Tám phẩy Một	
52	1813119416	Trần Văn Phúc	N18TPM2	3	10		10.0	10.0	9.3	Chín phẩy Ba	
53	1813119429	Huỳnh Trần Anh Quân	N18TPM2	7	9		9.0	6.0	7.0	Bảy	
54	1813119437	Phạm Đức Tài	N18TPM2	7	10		10.0	9.0	9.1	Chín phẩy Một	
55	1813119438	Nguyễn Ngọc Tâm	N18TPM2	3	10		10.0	9.0	8.7	Tám phẩy Bảy	
56	1813119454	Lê Thừa Dương Thắng	N18TPM2	10	5		5.0	5.0	5.5	Năm phẩy Năm	
57	1813119471	Nguyễn Hữu Anh Tuấn	N18TPM2	7	5		5.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
58	1813119358	Ngô Thanh Hải	N18TPM2	3	10		10.0	V	0.0	Không	
59	1813119349	Lê Đức	N18TPM2	0	10		10.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
60	1813119423	Huỳnh Tấn Phước	N18TPM2	0	7		7.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
61	1813119426	Nguyễn Đình Phương	N18TPM2	0	10		10.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
62	1813119432	Nguyễn Đình Phi Sa	N18TPM2	0	7		7.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
63	1813119330	Phạm Ngọc Bảo	N18TPM2	0	6		6.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
64	1813119337	Ngô Thọ Di	N18TPM2	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
65	1813119350	Võ Minh Đức	N18TPM2	0	10		10.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
66	1813119394	Ngô Thanh Long	N18TPM2	0	10		10.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
67	1812119425	Lương Thị Phương	N18TPM2	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
68	1813119428	Trần Bá Quang	N18TPM2	0	5		5.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
69	1813119431	Phạm Văn Quý	N18TPM2	0	10		10.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
70	1813119433	Ngô Thành Sang	N18TPM2	0	6		6.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
71	1813119439	Phan Duy Tân	N18TPM2	0	8		8.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
72	1813119447	Phạm Tấn Thanh	N18TPM2	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
73	1813119460	Ngô Vũ Toàn	N18TPM2	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
74	1813119463	Phan Công Trí	N18TPM2	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
75	1813119465	Nguyễn Bá Trịnh	N18TPM2	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
76	1813119468	Trần Duy Tuấn	N18TPM2	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 12/04/2013

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

CHẠY BỀN + NHẢY XA

ES 102

Lớp:

Tín chỉ:

Học kì:

Lần thi:

N18TPM4

1

2

1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành			ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ				SỐ	CHỮ	
77	1813119474	Nguyễn Thế Tùng	N18TPM2	0	10		10.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
78	1813119327	Phạm Tuấn Anh	N18TPM3	10	10		10.0	10.0	10.0	Mười	
79	1813119333	Phạm Thành Công	N18TPM3	3	6		6.0	8.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
80	1813119335	Nguyễn Mạnh Cường	N18TPM3	3	10		10.0	7.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
81	1813119347	Bùi Xuân Đoài	N18TPM3	10	10		10.0	7.0	8.2	Tám phẩy Hai	
82	1813119357	Huỳnh Trường Hải	N18TPM3	10	7		7.0	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
83	1813119360	Phan Trọng Quang Hiền	N18TPM3	3	8		8.0	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
84	1813119365	Nguyễn Chí Hiếu	N18TPM3	10	8		8.0	8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
85	1813119370	Võ Huy Hoàng	N18TPM3	3	7		7.0	7.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
86	1813119381	Trần Khánh Hưng	N18TPM3	10	7		7.0	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
87	1813119378	Lê Nho Bảo Huy	N18TPM3	3	8		8.0	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
88	1813119379	Huỳnh Bá Huy	N18TPM3	10	5		5.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
89	1813119384	Bùi Duy Khánh	N18TPM3	10	10		10.0	8.0	8.8	Tám phẩy Tám	
90	1813119387	Nguyễn Hồng Khoa	N18TPM3	3	8		8.0	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	TPM2
91	1813119388	Trần Ngọc Khôi	N18TPM3	7	6		6.0	7.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
92	1813119395	Nguyễn Văn Long	N18TPM3	10	8		8.0	9.0	8.8	Tám phẩy Tám	
93	1813119399	Hồ Hải Quân Nam	N18TPM3	3	10		10.0	0.0	0.0	Không	Hủy điểm
94	1813119403	Hà Anh Nghĩa	N18TPM3	3	9		9.0	0.0	0.0	Không	Hủy điểm
95	1813119406	Trần Xuân Ngọc	N18TPM3	7	9		9.0	8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
96	1813119410	Lê Văn Nhật	N18TPM3	10	10		10.0	9.0	9.4	Chín phẩy Bốn	
97	1813119445	Phạm Hồng Thái	N18TPM3	3	10		10.0	V	0.0	Không	HP
98	1812119452	Dương Thị Phương Thảo	N18TPM3	10	8		8.0	10.0	9.4	Chín phẩy Bốn	
99	1813119462	Nguyễn Thanh Trà	N18TPM3	3	7		7.0	9.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
100	1813119328	Nguyễn Ánh	N18TPM3	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
101	1813119330	Phạm Ngọc Bảo	N18TPM3	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
102	1813119334	Võ Văn Công	N18TPM3	0	9		9.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
103	1813119342	Lại Quốc Đại	N18TPM3	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
104	1813119343	Võ Quốc Đại	N18TPM3	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
105	1813119346	Trần Hoàng Điệp	N18TPM3	0	8		8.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
106	1813119348	Phạm Văn Đô	N18TPM3	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
107	1813119338	Lê Văn Dũ	N18TPM3	0	8		8.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
108	1813119341	Nguyễn Tấn Dương	N18TPM3	0	8		8.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
109	1813119354	Huỳnh Vũ Hà	N18TPM3	0	8		8.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
110	1813119376	Dương Mạnh Hùng	N18TPM3	0	6		6.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
111	1813119375	Lê Mạnh Hùng	N18TPM3	0	7		7.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
112	1813119386	Nguyễn Viết Đăng Khoa	N18TPM3	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
113	1813119392	Mai Văn Linh	N18TPM3	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
114	1812119408	Nguyễn Thị Yến Nhi	N18TPM3	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
115	1813119419	Nguyễn Ngọc Phước	N18TPM3	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi:

12/04/2013

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

CHẠY BỀN + NHẢY XA

ES 102

Lớp:

Tín chỉ:

Học kì:

Lần thi:

N18TPM4

1

2

1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành			ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ				SỐ	CHỮ	
116	1813119424	Hoàng Trần Tuấn	Phương	N18TPM3	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
117	1813119464	Nguyễn Phan Minh	Trí	N18TPM3	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
118	1813119344	Trương Phan Thành	Đạt	N18TPM4	10	5		5.0	5.0	5.5	Năm phẩy Năm	
119	1813119352	Trần Thanh	Hà	N18TPM4	7	8		8.0	5.0	6.1	Sáu phẩy Một	
120	1813119355	Vương Tuấn	Hải	N18TPM4	7	6		6.0	V	0.0	Không	HP
121	1813119363	Mai Phước	Hiệp	N18TPM4	7	10		10.0	9.0	9.1	Chín phẩy Một	
122	1813119364	Trần Tấn	Hiếu	N18TPM4	10	10		10.0	6.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
123	1813119396	Trương Thanh	Lực	N18TPM4	10	10		10.0	9.0	9.4	Chín phẩy Bốn	
124	1813119397	Phạm Hoàng	Minh	N18TPM4	10	10		10.0	V	0.0	Không	HP
125	1813119414	Tổng Lê Hoàng	Phúc	N18TPM4	7	10		10.0	6.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
126	1813119415	Vũ Ngọc	Phúc	N18TPM4	7	8		8.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
127	1813119418	Nguyễn Hoàng	Phụng	N18TPM4	3	8		8.0	6.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
128	1813119420	Trần Hữu	Phước	N18TPM4	10	7		7.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
129	1813119427	Võ Thanh	Phương	N18TPM4	10	10		10.0	6.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
130	1813119434	Huỳnh Nguyên	Sinh	N18TPM4	7	5		5.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
131	1813119435	Lý Minh	Sơn	N18TPM4	7	9		9.0	7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
132	1813119443	Võ Sỹ	Thái	N18TPM4	7	9		9.0	6.0	7.0	Bảy	
133	1813119444	Hoàng	Thái	N18TPM4	10	9		9.0	5.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
134	1813119446	Hoàng Văn	Thái	N18TPM4	7	10		10.0	7.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
135	1813119456	Võ Minh	Thoại	N18TPM4	3	7		7.0	V	0.0	Không	HP
136	1813119472	Đặng Quốc	Tuấn	N18TPM4	10	10		10.0	7.0	8.2	Tám phẩy Hai	
137	1813119477	Bùi Quốc	Việt	N18TPM4	7	8		8.0	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
138	1813119625	Trần Tuấn	Anh	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
139	1813119331	Nguyễn Thanh	Bình	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
140	1813119633	Lê Anh	Đài	N18TPM4	0	8		8.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
141	1813119339	Hồ Đức	Duy	N18TPM4	0	8		8.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
142	1813119359	Trần Đại	Hán	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
143	1813119368	Võ Văn	Hoàng	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
144	1813119413	Trần Thế	Phiệt	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
145	1813119417	Trần Hữu	Phúc	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
146	1813119422	Nguyễn Văn	Phước	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
147	1813119430	Nguyễn Văn	Quốc	N18TPM4	0	10		10.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
148	1813119436	Trần Hưng Nhật	Sơn	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
149	1813119440	Trần Đình Anh	Tân	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
150	1813119451	Đinh Ngọc	Thành	N18TPM4	0	7		7.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
151	1813119448	Từ Sỹ	Thành	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
152	1813119458	Nguyễn Đăng	Toàn	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
153	1813119467	Nguyễn Thái	Trường	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
154	1813119469	Võ Văn	Tuấn	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi:

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

CHẠY BỀN + NHẢY XA

ES 102

12/04/2013

Lớp:

Tín chỉ:

Học kì:

Lần thi:

N18TPM4

1

2

1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành			ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ				SỐ	CHỮ	
155	1813119476	Đỗ Lê Viên	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
156	1813119634	Trần Hoàng Việt	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP
157	1813119479	Nguyễn Đức Vinh	N18TPM4	0	0		0.0	V	0.0	Không	Cấm thi, HP

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	66	40%	
2	Số sinh viên nợ	99	60%	
TỔNG CỘNG :		165	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 06 năm 2013

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phụng

ThS. Nguyễn Hữu Phú